TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TAN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Thắm, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 358a/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/9/2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 575/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-HN ngày 16/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; có mặt.

***2. Bị đơn*:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp Tân Đông, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 03/9/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2013, chị H và anh T tự tìm hiểu yêu thương và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc làm công nhân. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T thường xuyên ăn chơi cờ bạc, uống rượu gây nợ, phải bán cả tài sản để trả nợ, anh T kiếm chuyện vô cớ, mắng chửi

nhục mạ chị, thậm chí còn đánh chị H nhiều lần, chị H khuyên nhưng không sửa đổi. Tháng 10/2016, chị H với anh T sống ly thân cho đến nay. Tình cảm của chị H đối với anh T không còn, yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 09/6/2014. Chị H yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng, anh Nguyễn Văn T được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình.

Biên bản xác minh ngày 20/12/2018 của bà Huỳnh Thị L là mẹ ruột anh T về tình trạng hôn nhân của chị H với anh T thể hiện: Sau khi cưới nhau chị H với anh T đi làm công nhân ở Thành Phố Hồ Chí Minh, có về thăm bà vài lần và H, T đã sống ly thân khoản hai năm nay, quá trình chung sống H, T có với nhau một đứa con tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 09/6/2014 đang sống với chị H. Từ khi H, T sống ly thân thì chị H không về thăm bà nữa. Theo bà L thì giữa chị H với anh T về tình cảm đã mâu thuẫn nghiêm trọng vì vậy Tòa án cho hai người ly hôn là hợp lý.

Biên bản xác minh ngày 20/12/2018 của Công an xã Tân Thạnh thể hiện: anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu chung với bà Huỳnh Thị L và ông Nguyễn Văn V, địa chỉ tổ 6, ấp Tân Đông, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh T đi làm ăn xa thường có về thăm nhà trong các ngày lễ và gia đình có đám tiệc, anh T không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên 6 tháng.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh T vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh bà Huỳnh Thị L, biên bản xác minh Công an xã Tân Thạnh và biên bản không lấy được lời khai anh T.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu, anh T vắng mặt,

Chị H xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh T không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2014 phát sinh mâu thuẫn chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn do T thường xuyên ăn chơi cờ bạc, uống rượu gây nợ, phải bán cả tài sản để trả nợ, anh T kiếm chuyện vô cớ, mắng chửi nhục mạ chị, thậm chí còn đánh chị H nhiều lần, chị H khuyên nhưng không sửa đổi. Chị H và anh T đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H .

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 09/6/2014. Hiện nay chị H đang nuôi dạy con chung và yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi và điều kiện môi trường tốt, đề nghị giao cháu T cho chị Hằng nuôi dạy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" với anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: tổ 4, ấp Tân Đông, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Văn T vắng mặt, không lý do. Biên bản xác minh ngày 20/12/2018 của Công an xã Tân Thạnh thể hiện, anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu tại địa chỉ tổ 6, ấp Tân Đông, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh T đi làm ăn xa thường có về thăm nhà trong các ngày lễ và gia đình có đám tiệc, anh T không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên 6 tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2013, quyển số 01/2013, ngày 30/7/2013. Xét, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Chị H khai, quá trình chung sống chị và anh T phát sinh mẫu thuẫn do anh T thường xuyên ăn chơi cờ bạc, uống rượu gây nợ, phải bán cả tài sản để trả nợ, anh T kiếm chuyện vô cớ, mắng chửi nhục mạ chị, thậm chí còn đánh chị H nhiều lần, chị H khuyên nhưng không sửa đổi. Chị và anh T sống xa nhau từ tháng 10/2016 cho đến nay.

Biên bản xác minh ngày 20/12/2018 của bà Huỳnh Thị L là mẹ ruột anh T về tình trạng hôn nhân của chị H với anh T thể hiện: Sau khi cưới nhau chị H với anh T đi làm công nhân ở Thành Phố Hồ Chí Minh, có về thăm bà vài lần và H, T đã sống ly thân khoản hai năm nay. Từ khi H, T sống ly thân thì chị H không về thăm bà nữa. Theo bà L thì giữa chị H với anh T về tình cảm đã mâu thuẫn nghiêm trọng vì vậy Tòa án cho hai người ly hôn là hợp lý.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,… và lý do chính đáng khác";

"Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau".

Anh T có hành vi bạo lực đối với chị H, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị H vớ anh T đã sống xa cách nhau từ tháng 10/2016 đến nay.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị H ly hôn đối với anh T.

[2] Về con chung: Chị H khai, bà L mẹ ruột anh T thống nhất trong thời kỳ hôn nhân chị H với anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 09/6/2014, đang sống cùng với chị H.

Chị H yêu cầu được nuôi dạy cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Cháu T là bé gái hơn 04 tuổi, nếu sống cùng với chị H sẽ đảm bảo điều kiện về mọi mặt của cháu.

Xét, giao cháu Nguyễn Thị Anh T cho chị H nuôi dạy cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Chị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng để nuôi dạy con chung. Xét, không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết. Xét, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng giữa hai người có tài sản hoặc nợ chung thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị H yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

(Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H được nuôi dạy cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 09/6/2014 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng giữa hai người có tài sản hoặc nợ chung thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị H yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số: TU/2016/0004861 ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Vĩnh Nhận
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh